

Số: **06** /TTr-HĐQT

Gia Lâm, ngày **30** tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển năm 2026 - 2027
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần MTĐT Gia Lâm

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần MTĐT Gia Lâm;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm;

Căn cứ Biên bản họp Tổ quản lý vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm ngày 30/03/2026;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-MTĐTGL ngày 23/03/2026 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm.

Trên cơ sở báo cáo của Ban Giám đốc Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm, Tổ quản lý vốn nhà nước tại Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm đã họp và thống nhất báo cáo xin ý kiến Công ty TNHH MTV MTĐT Hà Nội để thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm về kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2025, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 tại Công ty, như sau:

I. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025

TT	Nội dung đầu tư	Số lượng (Chiếc)		Giá trị (đồng)		Ghi chú
		Theo Nghị quyết ĐHCĐ	Thực tế đầu tư	Theo Nghị quyết ĐHCĐ	Thực tế đầu tư	
I	Chi phí đầu tư thiết bị			9.940.000.000	5.370.200.000	
1	Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 10 – 11 tấn	1	1	2.700.000.000	2.689.200.000	

2	Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng >20m	1	0	2.000.000.000	0
3	Xe ô tô thu gom rác tải trọng 1,25 – 2 tấn	4	4	2.320.000.000	2.312.000.000
4	Xe ô tô thu gom rác tải trọng < 1,25 tấn	1	1	370.000.000	369.000.000
5	Xe ô tô chuyên dùng cuốn ép rác tải trọng 3-4 tấn	1	0	950.000.000	0
6	Máy ép thủy lực thành kiện kiểu ngang, công suất ≤ 3 tấn/h	1	0	400.000.000	0
7	Xe thu gom rác 3 bánh (chạy điện)	20	0	1.200.000.000	0
II	Các chi phí khác			424.272.000	28.909.000
1	Chi phí tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT; thẩm định HSMT, Kết quả LCNT; lập dự án, đăng ký đăng kiểm,...			126.072.000	28.909.000
-	<i>Chi phí tư vấn Lập HSMT, đánh giá HSDT</i> <i>Cách tính: 0,2635% x TB</i>			26.192.000	16.434.794
-	<i>Chi phí tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT</i> <i>Cách tính: 0,2% x TB</i>			19.880.000	12.474.179
-	<i>Chi phí đăng ký, đăng kiểm phương tiện (Tạm tính)</i>			80.000.000	-
2	Dự phòng phí (3% TB)			298.200.000	-
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (I+II)			10.364.272.000	5.399.109.000

II. Kế hoạch đầu tư năm 2026

1. Nội dung đầu tư

Trên cơ sở phương án duy trì VSMT, duy trì đô thị, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và năng lực hiện có của đơn vị, Công ty cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm đề nghị được đầu tư một số phương tiện thiết bị và cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất như sau:

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Đầu tư phương tiện thiết bị		
1	Xe chuyên dùng thu gom rác TT 1,2 - 1,5 tấn	10	
2	Xe chuyên dùng vận chuyển rác TT 10 - 11 tấn		
-	Xe cuốn ép rác	6	
-	Xe Hooklift	4	
3	Xe chuyên dùng vận chuyển rác TT 4 - 5 tấn	5	
4	Xe chuyên dùng vận chuyển rác TT 5 - 10 tấn	4	
5	Xe ô tô quét đường hút bụi dung tích thùng 5-7 m ³	1	
6	Xe ô tô quét hút, rửa đường dung tích thùng chứa rác ≤ 10m ³	1	
7	Xe ô tô phun sương dập bụi thùng chứa < 10m ³	1	
8	Xe ô tô tưới nước rửa đường (Chạy điện), dung tích thùng chứa < 10m ³	1	
9	Compactor tự ép, công suất 10 tấn/h	3	
10	Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 18-20m	1	
11	Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 14-16m	1	
12	Máy nghiền cành cây	1	
II	Đầu tư cải tạo, cơ sở vật chất		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, gara sửa chữa tại Dương Xá	1	
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm trung chuyển, điểm tập kết rác	1	

2. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 80.905.687.000 đ

(Bằng chữ: Tám mươi tỷ, chín trăm linh năm triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

2.1. Đầu tư phương tiện, thiết bị giai đoạn 2026 - 2027

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Chủng loại	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thiết bị			70.550.000
1	Xe chuyên dùng thu gom rác TT 1,2 - 1,5 tấn	10	590.000	5.900.000

2	Xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 10 - 11 tấn			
-	Xe cuốn ép rác	6	2.850.000	17.100.000
-	Xe Hooklift	4	2.750.000	11.000.000
3	Xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 4 - 5 tấn	5	1.950.000	9.750.000
4	Xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 5 - 10 tấn	4	2.200.000	8.800.000
5	Xe ô tô quét đường hút bụi dung tích thùng 5-7 m ³	1	1.800.000	1.800.000
6	Xe ô tô quét hút, rửa đường dung tích thùng chứa rác ≤ 10m ³	1	3.500.000	3.500.000
7	Xe ô tô phun sương dập bụi thùng chứa < 10m ³	1	2.250.000	2.250.000
8	Xe ô tô tưới nước rửa đường (Chạy điện), dung tích thùng chứa <10m ³	1	3.300.000	3.300.000
9	Compactor tự ép, công suất 10 tấn/h	3	950.000	2.850.000
10	Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 18-20m	1	1.750.000	1.750.000
11	Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 14-16m	1	1.550.000	1.550.000
12	Máy nghiền cành cây	1	1.000.000	1.000.000
II	Các chi phí khác			2.556.017
1	Chi phí lựa chọn nhà thầu, lập dự án, đăng ký đăng kiểm,... (1% TB)			439.517
-	Chi phí tư vấn Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT	0,1395%		98.417
-	Chi phí tư vấn thẩm định E-HSMT, kết quả LCNT	0,1%		70.550
+	Chi phí Thẩm định E-HSDT	0,1%		70.550
+	Chi phí Thẩm định Kết quả LCNT			
-	Chi phí đăng ký, đăng kiểm phương tiện			200.000
2	Dự phòng phí (3% TB)			2.116.500
	Tổng:			73.106.017

2.2. Đầu tư cơ tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc, trạm trung chuyển rác, điểm tập kết rác.

TT	NỘI DUNG	DIỄN GIẢI	Hệ số	GIÁ TRỊ (Đ) (Bao gồm VAT)	KH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	<i>Khái toán kèm theo</i>		7.100.000.000	XL
II	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ			328.258.000	TVDT
1	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật	$0,03509*(XL/1,1)*1.15$	3,509%	286.509.850	TV1
2	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	$0,00388*(XL/1,1)*1,1$	0,388%	27.548.000	TV2
3	Chi phí Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	Điều 14-Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: $(0,1\%+0,1\%)*XL$	0,200%	14.200.000	TV3
III	DỰ PHÒNG			371.412.900	DP
1	Dự phòng phí	$(XL+TVDT)*5\%$	5,0%	371.412.900	DP1
	TỔNG CỘNG	XL+TVDT+DP		7.799.670.900	TDT
	LÀM TRÒN			7.799.670.000	TDT

3. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn Chủ sở hữu, Quỹ đầu tư phát triển và Vốn Kinh doanh của Công ty:

80.905.687.000 đồng

- Vốn vay:

0 đồng

Tổng cộng:

80.905.687.000 đồng

4. Sự cần thiết, tính toán nhu cầu đầu tư

4.1. Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng > 5 tấn

STT	Loại xe	Số lượng	Tổng trọng tải (tấn)	Số chuyến huy động/ngày	Năng lực vận chuyển (tấn/ngày)	KL vận chuyển (Dự kiến) năm 2026 (tấn/ngày)	NL vận chuyển thiếu hụt (-); dư thừa (+) (tấn/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)*(4)*(5)	7	(8) = (6) - (7)	(9)
1	SD < 2 năm	0	0	0	0,00	580,00	-177,87	Đề xuất đầu tư 10 xe vận chuyển rác tải trọng >=10 tấn, 4 xe tải
2	SD từ 3 - 5 năm	10	103,1	2	206,20			

3	SD từ 6 - 10 năm	8	68,3	2	136,60			trọng 5-10 tấn để bổ sung cho địa bàn mới và thay thế cho các xe trên 10 năm
4	SD > 10 năm	8	59,33	1	59,33			
Tổng cộng		26			402,13	580,00	-177,87	

4.2. Xe ô tô vận chuyển rác trọng tải 4-5 tấn

STT	Loại xe	Số lượng	Tổng trọng tải (tấn)	Chuyên/ngày	Năng lực vận chuyển (tấn/ngày)	KL vận chuyển năm 2026 (tấn/ngày)	NL vận chuyển thiếu hụt (-); dư thừa (+) (tấn/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (3)*(4)*(5)	7	(8)=(6)-(7)	(9)
1	SD từ 3 - 5 năm	2	8,5	3	51	90	-13	Đề xuất đầu tư 01 xe chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 4-5 tấn, thay thế cho 01 xe cũ hoạt động >10 năm
2	SD > 10 năm	2	6,5	2	26			
Tổng cộng		2			77	0	-13	

* Ghi chú: Thay thế cho xe ô tô biển kiểm soát 29C-922.53 đã hoạt động >10 năm.

4.3. Xe ô tô thu gom rác tải trọng 1,2 – 1,5 tấn

STT	Loại xe	Số lượng	Tải trọng (tấn)	Chuyên/ngày	Năng lực thu gom (tấn/ngày)	KL thu gom (Dự kiến) năm 2026 (tấn/ngày)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa (+) (tấn/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (3)*(4)*(5)	7	(8)=(6)-(7)	(9)
1	SD < 2 năm	3	1,2	6	21,6	152	-84	Đề xuất đầu tư 10 xe ô tô tải trọng 1,2 - 1,5 tấn, thay thế cho 04 xe cũ thường xuyên hỏng hóc và 06 xe đầu tư cho địa bàn mới
2	SD từ 3- 5 năm	2	1,2	5	12			
3	SD từ 6- 10 năm	7	1,1	4	30,8			
4	SD > 10 năm	1	0,9	4	3,6			
Tổng cộng		13	4,4	19	68	152	-84	

4.4. Xe ô tô quét đường hút bụi dung tích thùng chứa 5-7 m3

STT	Loại xe	Số lượng	Km/ca	Ca/ngày	Năng lực duy trì (km/ngày)	KL duy trì năm 2026 (km/ngày)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa(+)(km/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
-----	---------	----------	-------	---------	----------------------------	-------------------------------	---	------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)}{(3)*(4)*(5)}$	(7)	$(8)=(6)-(7)$	(9)
1	SD < 2 năm	1	25	2	50	287,8	-27,8	Đề xuất đầu tư 01 xe chuyên dùng quét đường hút bụi, dung tích thùng chứa 5-7m ³ , thay thế cho 01 xe cũ, thường xuyên hỏng hóc
2	SD từ 3- 5 năm	1	25	1,5	37,5			
3	SD từ 6- 10 năm	3	25	1,5	112,5			
4	SD > 10 năm	3	20	1	60			
Tổng cộng		8	95	6	260	287,8	-27,8	

* Thay thế xe ô tô quét hút 29C-968.62 thường xuyên hỏng hóc, không hiệu quả

4.5. Xe ô tô quét, rửa hỗn hợp

STT	Loại xe	Số lượng	Km/ca	Ca/ngày	Năng lực duy trì (km/ngày)	KL duy trì năm 2026 (km/ngày)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa(+)(km/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)}{(3)*(4)*(5)}$	7	$(8)=(6)-(7)$	(9)
1	SD < 2 năm	0	0	0	0	17,2	-17,2	Đề xuất đầu tư mua mới 01 xe ô tô quét - rửa hỗn hợp để phục vụ sản xuất
2	SD từ 3- 5 năm	0	0	0	0			
3	SD từ 6- 10 năm	0	0	0	0			
4	SD > 10 năm	0	0	0	0			
Tổng cộng		0	0	0	0	17,2	-17,2	

4.6. Xe ô tô Phun sương dập bụi

STT	Loại xe	Số lượng	Km/ca	Ca/ngày	Năng lực duy trì (km/ngày)	KL duy trì năm 2026 (km/ngày)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa(+)(km/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	$\frac{(6)}{(3)*(4)*(5)}$	7	$(8)=(6)-(7)$	(9)
1	SD < 2 năm	0	0	0	0	4,2	-4,2	Đề xuất đầu tư mua mới 01 xe ô tô Phun sương dập bụi để phục vụ sản xuất
2	SD từ 3- 5 năm	0	0	0	0			
3	SD từ 6- 10 năm	0	0	0	0			
4	SD > 10 năm	0	0	0	0			
Tổng cộng		0	0	0	0	4,2	-4,2	

4.6. Xe ô tô rửa đường (Chạy điện)

STT	Loại xe	Số lượng	Km/ca	Ca/ngày	Năng lực duy trì (km/ngày)	KL duy trì năm 2026 (km/ngày)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa(+)(km/ngày)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (3)*(4)*(5)	7	(8)=(6)-(7)	(9)
1	SD < 2 năm	0	0	0	0	15,25	-15,25	Đề xuất đầu tư mua mới 01 xe ô tô rửa đường (Chạy điện) để phục vụ sản xuất
2	SD từ 3- 5 năm	0	0	0	0			
3	SD từ 6- 10 năm	0	0	0	0			
4	SD > 10 năm	0	0	0	0			
	Tổng cộng	0	0	0	0	15,25	-15,25	

4.7. Xe thang cầu, nâng người làm việc trên cao

STT	Loại xe	Số lượng	Chiều cao nâng (m)	Ca/ngày	Năng lực duy trì (280 ngày/năm) (ca/năm)	Khối lượng duy trì 2026 (ca/năm)	NL duy trì thiếu hụt (-); dư thừa (+) (ca/năm)	Đề xuất nhu cầu đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (3)*(4)*(5)	7	(8)=(6)-(7)	(9)
1	SD từ 3 - 5 năm	1	15,9	1,2	336	1.036	-420	Đề xuất đầu tư 02 xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng >14m
2	SD > 10 năm	1	12	1	280			
	Tổng cộng	2		2,2	616	1.036	-420	

4.8. Đầu tư Compactor tụt ép, công suất 10 tấn/h

Theo Quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và theo khối lượng mời thầu của Chủ đầu tư có Hạng mục: Vận hành Compactor tụt ép chất thải rắn sinh hoạt.

Hiện nay, công ty đang phải thuê các Compactor trên để phục vụ công tác sản xuất. Để đảm bảo tính hiệu quả về kinh tế cũng như chủ động trong quá trình sản xuất thì việc đầu tư Compactor là rất cần thiết.

4.9. Máy nghiền cành cây

Hiện nay, Công ty đang thực hiện 04 gói thầu quản lý, duy trì cắt tỉa cây bóng mát trên địa bàn 4 xã Thuận An, Gia Lâm, Bát Tràng, Phù Đổng. Trong quá trình cắt tỉa, có một lượng rất lớn cành lá phát sinh cần phải tập kết xử lý. Các điểm tiếp nhận cành cây từ quá trình cắt tỉa hiện nay không có hoặc bị hạn chế về khối lượng tiếp nhận.

Chính vì vậy, để đảm bảo cho việc xử lý cành lá sau cắt tỉa Công ty cần đầu tư 01 máy nghiền cành cây để xử lý hiệu quả cành lá, đảm bảo vệ sinh môi trường là rất cần thiết.

5. Hiệu quả đầu tư

Phương tiện, thiết bị được đầu tư góp phần tăng cường năng lực, thay thế phương tiện cũ, hỏng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

1. Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 10 - 11 tấn có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 9.300.847.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 15,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 06 năm 09 tháng;

2. Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 5 - 10 tấn có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 7.298.322.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 24,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 04 năm 07 tháng;

3. Xe ô tô chuyên dùng vận chuyển rác tải trọng 4 - 5 tấn có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 1.223.190.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 11,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 08 năm 05 tháng;

4. Xe ô tô thu gom rác tải trọng 1,2 – 1,5 tấn có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 1.584.026.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 13,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 07 năm 02 tháng;

5. Xe ô tô quét – rửa hỗn hợp có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 993.241.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 14,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 07 năm 00 tháng;

6. Xe ô tô quét đường hút bụi dung tích thùng chứa 5-7 m³ có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 420.507.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 13,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 07 năm 05 tháng;

7. Xe ô tô phun sương dập bụi: Do khối lượng và thời gian duy trì công tác Phun sương dập bụi theo Quy định ít (khoảng 50 ngày/năm) do điều kiện thời tiết nên công tác đánh giá hiệu quả tài chính với Thiết bị chưa hiệu quả. Tuy nhiên, việc đầu tư phương tiện là rất cần thiết để đảm bảo phương tiện thiết bị sản xuất.

8. Xe ô tô rửa đường (Chạy điện): Do khối lượng duy trì hiện tại theo hợp đồng chưa nhiều nên việc tính toán hiệu quả kinh tế chưa thể rõ. Nhưng với chủ trương, chính sách hiện đại hóa công tác duy trì vệ sinh môi trường và chuyển đổi nhiều liệu xanh của Thành phố thì việc đầu tư một xe rửa đường chạy điện là rất cần thiết.

9. Thùng Compactor tự ép, công suất 10 tấn/h có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 7.294.581.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 56,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 02 năm 00 tháng;

10. Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 18-20m có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 657.209.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 16,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 06 năm 03 tháng;

11. Xe ô tô nâng người làm việc trên cao, chiều cao nâng 14-16m có các chỉ tiêu hiệu quả tài chính: Giá trị hiện tại thuần (NPV): 835.976.000 VND; Suất thu lợi nội tại (IRR) 19,0%; Thời gian thu hồi vốn phương tiện, thiết bị đầu tư 05 năm 05 tháng;

(Chi tiết xem tại phụ lục kèm theo).

6. Thời gian, lộ trình đầu tư (dự kiến)

Năm đầu tư: 2026 - 2027.

Phù hợp yêu cầu, kế hoạch và nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2026 và 2027 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Gia Lâm.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 – 2027 của Công ty Cổ phần môi trường đô thị Gia Lâm.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: HĐQT, BKS./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đương Mạnh Lương